

**SỰ PHÁT TRIỂN CÁC THẾ HỆ NGƯỜI VIỆT NAM  
DƯỚI TÁC ĐỘNG CỦA LỊCH SỬ, VĂN HOÁ ĐẤT NƯỚC**

*Lê Thi\**

*Chu kỳ sống của một đời người vừa phản ánh một hiện tượng tự nhiên, đồng thời lại bao hàm một ý nghĩa nhân văn sâu sắc với sự phát triển không ngừng đi lên về kinh tế, văn hoá, xã hội của riêng loài người. Dựa trên quan niệm này, bài viết điём qua nội hàm của những khái niệm thế hệ người với những đặc điểm và sự phát triển nối tiếp nhau giữa các thế hệ, từ đó trình bày những sự kiện lịch sử trọng đại đã tác động đến sự phát triển của thế hệ trẻ Việt Nam và sự hình thành các đặc điểm của từng thế hệ.*

Con người sinh ra, lớn lên và chết đi là hiện tượng thuộc quy luật tự nhiên của đời sống mọi sinh vật, kể cả động vật và cây cỏ. Sự ra đời, trưởng thành và già nua, chết đi của một đời người, sự hình thành một thế hệ, sự tiếp nối các thế hệ người diễn ra trong suốt lịch sử nhân loại là một điều tất yếu. Nhưng sự hình thành và củng cố các mối quan hệ gắn bó, sự phụ thuộc lẫn nhau về quyền lợi và nghĩa vụ, đan xen những mâu thuẫn, va chạm giữa các thế hệ lại chỉ diễn ra khi xã hội loài người thoát khỏi cuộc sống dã man, mông muội, bước vào giai đoạn văn minh. Sự đổi mới của các thế hệ nói lên *tính đều đặn* cũng như các *chu kỳ sống* của con người được diễn ra trong sự *tiến bộ* đi lên của nhân loại.

**I. VẬY KHÁI NIỆM THẾ HỆ NGƯỜI ĐƯỢC HIỂU NHƯ THẾ NÀO?**

Có nhiều cách định nghĩa.

1) Theo chúng tôi, khái niệm *thế hệ* chỉ *một tập hợp người*, thường có cùng *một độ tuổi*. Mặc dù họ có tính đa dạng khác nhau về nghề nghiệp, hoàn cảnh sinh sống, tính cách v.v... nhưng họ đã *cùng chứng kiến* và *cùng trải qua* diễn biến của *các sự kiện lịch sử trọng đại* (về kinh tế, chính trị, văn hoá v.v.) và cùng sống trong *một khoảng thời gian nhất định*. Do đó họ có *sự cộng hưởng* từ những kinh nghiệm sống giống nhau, họ dễ có cách nhìn tương tự nhau về xã hội và hình thành ở họ một *số tiêu chí chung* trong cách xem xét, đánh giá, giải quyết các vấn đề đặt ra.

Ví dụ ở nước ta những thế hệ đã trải qua cuộc kháng chiến chống Pháp

\* GS.; Nguyên Viện trưởng Viện Gia đình và Giới.

hay cuộc kháng chiến chống Mỹ, họ đã từng chứng kiến và kiểm nghiệm tự bản thân những sự kiện đau thương chết chóc, những thiếu thốn khó khăn về vật chất và sinh hoạt văn hoá thời chiến. Họ được động viên tham gia chiến đấu và vô cùng cảm phục tinh thần dũng cảm hy sinh vì Tổ quốc của bao chiến sĩ. Những thế hệ này vừa tự hào về ý chí, tinh thần yêu nước của nhân dân ta, vừa khát khao một cuộc sống hoà bình, mong muốn góp sức mình để thắt chặt tình hữu nghị với các dân tộc trên thế giới, kể cả với nhân dân Pháp và Mỹ.

Những người cùng một thế hệ thường có *những hồi ức chung* (kỷ niệm giống nhau) về các sự kiện lớn, về *hoàn cảnh, môi trường* họ đã trải qua. *Những dấu ấn của thời gian* đã để lại trong họ những tình cảm đặc biệt, khiến trong *thâm tâm* họ thường có *một ý thức chung* về cách nhìn nhận và hướng giải quyết các vấn đề diễn ra trong *đời sống hiện nay*.

Ví dụ thế hệ chống Pháp, do quen sống tiết kiệm, lo xa, họ không thể hiểu nổi và lên án những tiêu pha quá tốn kém, có lúc như hoang phí của con cháu thời nay: đi nghỉ mát thuê một căn phòng 2 người ở tốn 2 triệu đồng/1 ngày; sắm đồ dùng, bàn ghế cho gia đình loại xịn, giá rất đắt, may rất nhiều quần áo đắt tiền mà không mặc đến, v.v. Trước sự phát triển của các tệ nạn xã hội, họ rất lo lắng cho tương lai của đất nước bị xuống dốc, có thể lại rơi vào sự phụ thuộc vào nước ngoài, trong khi nạn tham nhũng, hối lộ tại các cơ quan chính quyền các cấp lại bị xem nhẹ, bỏ qua, v.v...

Như vậy, sự hình thành một thế hệ với những đặc điểm riêng của nó *đánh dấu* bởi mối quan hệ của những con người (có thể khác nhau về hoàn cảnh sinh sống cá nhân, về nghề nghiệp, về giai cấp, về cá tính v.v...) đã cùng trải qua *những sự kiện lịch sử* của đất nước, của thế giới, *trong cùng một khoảng thời gian nhất định*. Do đó họ gắn bó với nhau bởi những *sợi dây liên hệ vô hình* khá chặt chẽ, bắt nguồn từ những *hồi ức chung*, những *kinh nghiệm sống* tương tự nhau, những nỗi vui mừng, lo lắng chung, v.v..

2) Nhưng thế hệ không phải là một nhóm người cụ thể rõ ràng, gồm những thành viên đoàn kết với nhau bởi những sợi dây liên hệ *máu mủ* như trong một gia đình, một dòng họ (cần phân biệt khi nói về các thế hệ trong một gia đình, một dòng họ) hay trong một *hiệp hội* (cùng hoạt động cho một tôn chỉ, mục đích nhất định).

Việc xác định một tập hợp người thuộc một thế hệ nhất định là căn cứ vào diễn biến của *nhịp điệu sinh học tự nhiên*: sự sinh ra, lớn lên, trưởng thành, già cỗi và chết đi của lớp người nào đó, sống trong cùng một khoảng thời gian nhất định. Ví dụ thế hệ người Việt Nam cùng sinh ra những năm 1975 khi đất nước được thống nhất hay cùng sinh ra những năm 1985 khi đất nước bắt đầu công cuộc đổi mới, v.v...

Sinh ra cùng một khoảng thời gian nhất định (ví dụ 1975, 1985) tập hợp người đó có thể thuộc về một thế hệ nhất định xét về mặt *dân số học* (họ thuộc lớp trẻ hay lớp già, v.v.), nhưng điều đó *không tạo ra cho họ một sự phụ thuộc tập thể* nào. Họ sống và

hành động theo sự hiểu biết và kinh nghiệm cá nhân, mà không chịu sự chỉ đạo của bất cứ ai thuộc thế hệ ấy. Tuy nhiên, họ lại *được phân vị* vào một *vị thế nhất định* của tiến trình lịch sử. Ví dụ, là thế hệ thời bao cấp 1975-1989, hay thế hệ thời kỳ đổi mới, kinh tế thị trường từ 1990 đến nay.

3) Tìm hiểu những *hồi ức chung* (ví dụ về thời kỳ chiến tranh, về thời kỳ bao cấp) sự *hình thành ý thức chung* ở một lớp người, *dấu ấn thời gian* đối với họ là những yếu tố có thể giúp chúng ta hiểu được *những điển hình* của một thế hệ, xét về phương diện *một tập hợp người*, cũng như về tư cách của *một cá nhân*. Cần chú ý đến *yếu tố thời gian* và *kinh nghiệm sống chủ quan* để xác định một thế hệ. ở đây những con người rất đa dạng lại gắn kết với nhau thành *một tổng thể khá thuần nhất* bởi vì họ đã cùng chịu ảnh hưởng của những biến động lịch sử lớn lao, diễn ra trong suốt thời gian họ lớn lên và biết cảm thụ.

Do đó nội dung khái niệm thế hệ vừa *đơn giản* lại vừa *phức tạp*. Thế hệ là một tập hợp người cùng độ tuổi, sống trong cùng một khoảng thời gian, có những *hồi ức chung*, kinh nghiệm chung, tạo nên *một tổng thể khá thuần nhất* với sự *cộng hưởng* nhất định. Tuy nhiên, họ lại *không phải là một tổng thể người sống phụ thuộc vào nhau*, có mối quan hệ gắn bó như một gia đình, một dòng họ. Đó là một tổng thể người rất *đa dạng*, rất khác nhau về nghề nghiệp, cách sinh sống và tính cách. Họ *hành động độc lập với nhau*.

4) *Đặc điểm khác nhau giữa các thế hệ* được xác định trước hết từ *khả năng hành động* của họ, từ cách họ

nhận biết và giải quyết các vấn đề lịch sử xã hội đặt ra trước bước đường đi của họ. Khả năng đó có liên quan đến những thành tựu văn minh mà nhân loại đã đạt được về mặt lý luận và nhận thức luận, những tiến bộ về khoa học kỹ thuật, công nghệ, những tư tưởng chính trị có tính quốc gia và quốc tế. *Sự tiến hoá của tư duy nhân loại* là động lực chính, thúc đẩy sự phát triển đi lên, nối tiếp nhau của các thế hệ trong lịch sử loài người.

*Những biến đổi nhanh của xã hội* là yếu tố quan trọng để *thực hiện các khả năng*, gắn với *vị thế* của từng thế hệ. Các thế hệ khác nhau được hình thành từ sự biến đổi xã hội. Họ có những đặc điểm khác nhau trong suy nghĩ, hành động, do họ được thúc đẩy bởi các *hệ giá trị tư tưởng khác nhau*, diễn ra trong những *hoàn cảnh lịch sử khác nhau*, bởi các *giai cấp, tầng lớp xã hội* lịch sử khác nhau.

Quá trình lịch sử luôn làm nảy sinh *những nhóm tuổi mới*, những sự *tiếp xúc mới* của họ với di sản văn hoá của nhân loại đã được tích lũy.

Ví dụ ở thế kỷ XVIII cùng với sự phát triển của chủ nghĩa tư bản và kinh tế tư bản chủ nghĩa là sự ra đời của giai cấp tư sản, sự nảy sinh một thế hệ các nhà doanh nhân tư bản tư nhân và một thế hệ công nhân bị bóc lột thậm tệ.

Ở thế kỷ XIX sự xuất hiện và thắng thế của hệ tư tưởng XHCN, sự ra đời của giai cấp công nhân được giác ngộ, nắm chính quyền ở một số nước XHCN. Ở một số quốc gia độc lập dân tộc như Việt Nam, những thế hệ thanh niên mới lớn lên và trưởng thành trong hoàn cảnh mới, đã phát huy vốn di sản văn

## 2. Khái niệm hồn “psychê” từ đâu mà ra?

Con người ta không phải là một thực tại như đất đá, có thể đo lường được, mà còn có mặt bên trong mà người ngoài không trông thấy, không sờ thấy được. Đứng trước mặt một người khác, ta biết chắc chắn là họ có cảm xúc, có hiểu biết, có ước muốn; nhưng họ biết gì, muốn gì, cảm thấy gì thì ta không biết được. Khi thấy người ấy cúi đầu chào, thì ta cũng cúi đầu đáp lễ, vì ta biết rằng bình thường thì cử chỉ bên ngoài ấy diễn ra cái tâm tình kính trọng bên trong, chứ nếu ta cho là không có ai biểu lộ tâm tình, mà đó chỉ là hiện tượng máy móc, không diễn tả gì cả, thì không có lý do gì mà ta phải đáp lễ cả. Tuy vậy ta cũng biết rằng đôi khi có người cúi đầu chào, nhưng đó chỉ là bề ngoài chứ bên trong chẳng hề có ý trọng kính gì cả, mà còn có tâm tình khác hẳn.

Có thể có người chủ trương duy vật hay duy nghiệm, cứ tùy theo đó mà nói rằng không có vật nào cả, không có ai cả “vô ngã”, mà chỉ có những hiện tượng cá biệt, tùy tiện nay tụ họp, mai phân tán. Đó là một trong những câu nói mà, theo như các nhà lý luận học, hề nói lên thì nó phải tự tiêu diệt, không còn có ý nghĩa gì hết, vì không thể nói là đúng hay sai, ví dụ: “tôi đang nói dối”, “không có cái gì là thật cả”, hay là: “không có tôi “vô ngã” v.v... Dù sao, khi nói như thế, thì ít ra là cũng phải có ai nhận định và nói lên như thế mới được.

Có nhiều trường hợp làm cho người ta cảm thấy mình còn là cái gì khác với thân xác. Ví dụ trong giấc mộng ta thấy mình đi chu du một cách nhẹ nhõm trong những miền xa lạ, và làm được những việc mình thích mà không bị ai cản trở. Khi tỉnh dậy lại thấy là mình vẫn nằm nguyên ở đó. Từ đó người ta nghĩ rằng trong lúc ngủ thì có một cái “mình” vật chất vẫn nằm đó, và một cái “mình” khác, không có vật chất, có thể vượt không gian và thời gian. Có thể tùy hoàn cảnh mà gọi nó là cái “ngã”, “tự ngã”, “bản thân” hay là cái “hồn”. Cái mình thứ hai này thì người ngoài không ai thấy cả,

nhưng người trong cuộc vẫn nhận ra là mình, như thế rõ ràng là nó không phải là một đối tượng mà khoa học thực nghiệm có thể đặt giới hạn rõ rệt để nghiên cứu, đo lường, như một sự vật có hình sắc chung quanh ta.

Nói khác đi, cái “hồn” hay “psychê” là vô chất, cho nên không phải là đối tượng nghiên cứu của khoa học thực nghiệm. Người ta không trực tiếp cảm nghiệm được cái hồn.

Tuy nhiên, nó không phải là không có liên quan đến những yếu tố vật chất. Người ta có nhận ra là các sinh vật có cái gì khác các vật không sống động, thì mới có thể nói đến cái hồn “psychê”. Có một điều thật đáng chú ý: triết gia Hilap đầu tiên viết sách “Peri psychê” (De anima/luận về cái hồn), là Arstoteles (384-322 trước CN), đã bàn về cái hồn trong khuôn khổ rộng rãi của sinh vật học, chứ không hạn hẹp vào riêng con người. Ông phân biệt ra ba thứ hồn: sinh hồn của loài thực vật, có sống mà không có động, giác hồn của loài động vật, có sống, có động và có cảm giác, và linh hồn của con người, có sống động, có cảm giác, và có thêm trí tuệ và ý chí. Nói tóm lại là người ta-kể cả những người duy tâm hay duy thức-chỉ có thể nói đến cái hồn trong liên quan với những vật có hình sắc và có sống động, chứ không thể nói đến cái hồn như là một thực tại hoàn toàn là tinh thần, vô chất hay không liên quan gì đến vật chất cả. Hai loại người trên đây đều biết đến những vật có hình sắc, có điều là sau đó thì họ suy luận thêm và chọn lập trường cho rằng những vật đó chỉ là ảo ảnh, sản phẩm của cái tâm mà thôi.

Quan niệm và môn học về cái hồn đã được triển khai theo nhiều giai đoạn.

Trước khi hạn định rõ đối tượng của việc nghiên cứu, người ta bắt đầu từ quan niệm thông thường của nó. Có thể tóm tắt quan niệm đó về cái hồn vào mấy yếu tố sau đây: 1) Hồn là cái làm cho sinh vật khác các loài không sống động; 2) Hồn là cái bản thân

tộc và phong trào không liên kết của các nước thuộc thế giới thứ ba; sự bùng nổ của cách mạng công nghệ và thông tin, sự kiện toàn cầu hoá về kinh tế, văn hoá giữa các nước trên thế giới, cùng với sự hội nhập quốc tế hiện nay.

Các sự kiện quốc tế lớn kể trên đây đã có tác động mạnh mẽ đến cuộc sống của nhân dân Việt Nam, in dấu vào sự phát triển của các thế hệ Việt Nam sinh ra, lớn lên và trưởng thành trong thế kỷ XX và những năm đầu thế kỷ XXI này.

Ở Việt Nam đã diễn ra sự chuyển đổi từ nền văn minh thuần tuý nông nghiệp sang nền văn minh xen kẽ nông nghiệp và công nghiệp, và hậu công nghiệp hiện nay. Đồng thời cũng diễn ra sự đan xen các hệ giá trị văn hoá, tư tưởng, sự chuyển đổi từng bước thang giá trị về đạo đức, nhân cách trong các tầng lớp nhân dân.

a) Về mặt kinh tế Việt Nam đã từ nền sản xuất chủ yếu làm nông nghiệp chuyển dần sang kinh tế nông nghiệp, kết hợp công nghiệp nặng với công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp và buôn bán nhỏ. Quá trình công nghiệp hoá từ những năm 1970 đến nay ở nhiều lĩnh vực đã xây dựng được nền công nghiệp hiện đại, cơ giới hoá, tự động hoá, tiếp thu được những thành tựu khoa học, công nghệ mới nhất của thế giới.

Sự phát triển kinh tế đòi hỏi và thúc đẩy sự ra đời và trưởng thành của những thế hệ trẻ kỹ sư, công nhân, cán bộ giỏi, được đào tạo có hệ thống, đáp ứng yêu cầu của nền sản xuất đang đổi mới liên tục và giảm dần những lao động thủ công, nặng nhọc, năng suất thấp.

Về chế độ quản lý kinh tế đã chuyển từ nền kinh tế bao cấp những năm 1970 sang phát triển sản xuất hàng hoá, tự do cạnh tranh, mở rộng kinh tế thị trường theo định hướng XHCN, khuyến khích đội ngũ các nhà doanh nghiệp tư nhân hoạt động trên khắp các ngành kinh tế ở trong nước và hợp tác quốc tế. Do đó đã thúc đẩy sự trưởng thành của những thế hệ các nhà doanh nghiệp trẻ đầy năng động, sáng tạo, dám làm, dám chịu trách nhiệm.

b) Về mặt văn hoá tư tưởng đặc biệt đáng chú ý là: khác với sự chuyển đổi về kinh tế, tuy có sự chuyển đổi có tính chất áp đảo từ nền văn hoá này sang nền văn hoá khác trong thế kỷ XX ở Việt Nam, nhưng ảnh hưởng của các nền văn hoá cũ vẫn còn tồn tại lâu dài cho tới ngày nay.

+ Trước hết phải nói đến hệ tư tưởng Khổng giáo, kết hợp với văn hoá truyền thống làng xã.

Đạo Khổng tác động lớn về mặt ý thức, hệ tư tưởng và phong tục tập quán, lối sống, nếp sống thường ngày của người dân, chủ yếu ở lớp nho sĩ, trung lưu của xã hội cũ. Đến nay ảnh hưởng của hệ tư tưởng Khổng giáo còn tồn tại trên nhiều vấn đề, mặc dù đã có cuộc đấu tranh quyết liệt chống lại hệ tư tưởng này. Khổng giáo kết hợp với văn hoá truyền thống làng xã đã lan rộng trong nhân dân lao động qua các phong tục tập quán, lễ nghi tôn giáo, cách xử thế giữa các thế hệ, v.v...

Cách suy nghĩ, nếp sống của thế hệ già còn chịu ảnh hưởng của hệ tư tưởng Khổng giáo. Gia đạo, gia phong, gia lễ cổ điển được trân trọng, bảo tồn (kể cả những ưu điểm và nhược điểm, lạc hậu, lỗi thời). Người già rất quý

trọng văn hoá cũ, muốn lưu truyền cho con cháu, ghét sự đổi mới, không muốn gạt bỏ cái cũ đi theo văn hoá mới. Vì vậy cuộc tranh luận về cái gì cần lưu giữ, cái gì cần gạt bỏ trong nền văn hoá truyền thống: Khổng giáo, văn hoá làng xã cũ, v.v... vẫn tiếp diễn giữa thế hệ trẻ và thế hệ già hiện nay.

+ Thế kỷ XIX cũng được đánh dấu bằng sự du nhập của *nền văn hoá Pháp* bắt đầu vào Việt Nam từ khi quân Pháp xâm lược và thống trị nước ta. Văn hoá Pháp đặc biệt đã phát huy ảnh hưởng từ những năm 1920. Những thế hệ trẻ sinh ra trong thời kỳ này đã chịu ảnh hưởng của văn hoá Pháp ở các trường học, qua giao dịch buôn bán, ngoại giao với người Pháp và phương Tây, qua sách báo cùng các kênh thông tin khác, chủ yếu qua phim ảnh, đài, v.v... Lớp trẻ từ lớp 1 đã phải học rất nhiều môn bằng tiếng Pháp, trừ vài giờ ít ỏi để học về tả văn Việt Nam. Càng lên cao, họ càng phải học toàn bằng tiếng Pháp, lại học kỹ các môn sử, địa dư, văn hoá Pháp gấp nhiều lần so với học về Việt Nam. Do phải *nói, viết bằng tiếng Pháp*, từ lớp 1 lên trung học, đại học, lại học chuyên sâu về nước Pháp nên các thế hệ này đã *chịu ảnh hưởng văn hoá Pháp khá sâu đậm*, cả mặt tích cực lẫn tiêu cực, (tính khoa học chính xác của văn phạm Pháp, sự biến đổi cách mạng trong lịch sử nước Pháp, tính lãng mạn, trừu tượng trong văn học Pháp, v.v...)

Ảnh hưởng của văn học Pháp *đến nay* còn lưu lại khá mạnh ở *lớp người cao tuổi* Việt Nam. Họ thích giao du, ham đọc sách báo Pháp v.v..., có sự so sánh giữa văn hoá Pháp và văn hoá Âu - Mỹ, cũng là để tìm ra những giá trị cần tiếp thu cho nền văn hoá Việt Nam.

+ Trong thế kỷ XX đã diễn ra ở Việt Nam cuộc *đấu tranh giải phóng dân tộc*. Bắt đầu từ khi Pháp sang xâm lược nước ta đã có nhiều cuộc đấu tranh nổ ra dưới nhiều hình thức: khởi nghĩa vũ trang, biểu tình, bãi công, đấu tranh nghị trường, trên báo chí v.v... của nhiều tầng lớp nhân dân và bị đàn áp khốc liệt. Nhiều thế hệ thanh niên Việt Nam đã bị tù đầy, xử tử. Cuộc đấu tranh có tính chất toàn dân, toàn diện đã in dấu đậm trong lịch sử cách mạng Việt Nam. Từ cuộc cách mạng tháng 8/1945 đến cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ kéo dài 30 năm, từ 1945 đến 1975. Cuộc cách mạng thắng lợi đã lật đổ chế độ thực dân phong kiến, xây dựng chế độ mới, tự do, dân chủ. Nó để lại những ấn tượng vô cùng sâu sắc đến toàn dân Việt Nam, đặc biệt là những thế hệ đã sinh ra lớn lên và trưởng thành trong những năm tháng này. Họ đã chịu ảnh hưởng của *văn hoá cách mạng*, của  *tinh thần yêu nước vô bờ bến, sự đoàn kết cả dân tộc, sự hăng say, quyết tâm hy sinh* cho sự nghiệp của Tổ quốc. Họ đã can đảm chịu đựng gian khổ, thiếu thốn, sẵn sàng nhường cơm, xẻ áo cho đồng bào, đồng chí để cùng nhau chiến đấu, giữ gìn nền độc lập dân tộc. Họ không chỉ hy sinh lợi ích cá nhân, thú vui cá nhân mà cả lợi ích của gia đình, con cái cho đất nước.

Những thế hệ này nhiều người hiện nay đã thuộc *lớp người cao tuổi*. Họ tự hào về truyền thống cách mạng, về những tấm gương tuyệt đẹp đã được lưu giữ trong sách báo, phim ảnh về chủ nghĩa anh hùng cách mạng v.v... Nhưng một số người trong thế hệ này có khuynh hướng chỉ thấy *quá khứ là đẹp đẽ*, là vô tư nhất, do đó họ hay

nặng lời chỉ trích cái xấu, cái dở của hiện tại, phê phán lớp trẻ ăn chơi, không chịu đựng gian khổ, ích kỷ cá nhân, v.v... Họ không thấy những yếu tố mới, tiến bộ, giỏi hơn trước của các thế hệ ngày nay. Phương hướng hành động tốt nhất là biết *giữ gìn những nét đẹp, đáng quý của tinh thần cách mạng cũ* kết hợp với việc *phát huy những giá trị tích cực của thời đại mới*, để xây dựng hệ thống giá trị của nhân cách con người Việt Nam hiện đại.

c) Từ cuối thế kỷ XX đến nay, với quá trình *toàn cầu hoá về nhiều mặt*: kinh tế, văn hoá tư tưởng, với sự giao du quốc tế ngày càng được mở rộng, ảnh hưởng của *nền văn hoá thế giới*, đặc biệt là *văn hoá Âu - Mỹ* đã xâm nhập mạnh mẽ vào Việt Nam, qua sách báo, điện ảnh, các phương tiện thông tin hiện đại: Internet, điện thoại di động, v.v... Những chuyến đi du lịch ra nước ngoài và của người nước ngoài đến nước ta, sự giao dịch, kinh doanh buôn bán, hợp tác làm ăn với nhiều nước trên thế giới, v.v... đã làm tăng thêm nhận thức về nhiều mặt của người Việt Nam hiện nay, đặc biệt là lớp trẻ. Họ tiếp thu rất nhanh, họ say mê *tìm hiểu văn hoá thế giới*, đặc biệt là *văn hoá Âu - Mỹ*, những thành tựu khoa học kỹ thuật công nghệ tiên tiến của các nước đó. Đồng thời *cách sống, nếp sống kiểu Âu - Mỹ* cũng được thanh niên Việt Nam bắt chước (cả cái hay và cái dở). Một số có khuynh hướng bác bỏ truyền thống văn hoá cũ, coi là lạc hậu, bảo thủ, muốn phủ định tất cả để xây dựng cái mới kiểu hiện đại. *Tiếng Anh* được sử dụng phổ biến hơn tiếng Pháp nhiều trong giao dịch quốc tế, qua sách báo, các phương tiện thông tin.

*Thế hệ trung niên*, người trưởng thành, một mặt vừa lo lắng trước sự thay đổi quá nhanh của thế hệ trẻ, những nhận thức lệch lạc của họ. Đồng thời lớp trung niên cũng thấy *cần phải đổi mới* để theo kịp và thích ứng với những biến động trong sản xuất, khoa học công nghệ, kỹ thuật thì *mới trụ được* trong công việc làm ăn của mình.

*Thế hệ người cao tuổi* lại vô tư hơn vì họ cho rằng không phải trách nhiệm mình phải lo. Họ chỉ quan sát để biết, để không quá lạc hậu, cũng có những ông bà già quan tâm đóng góp ý kiến với con cháu trong làm ăn kinh doanh, chủ yếu là cẩn thận trọng không bị lừa bịp, không bị thua lỗ trắng tay, v.v... Con cháu hoan nghênh nhưng vẫn làm theo sự tính toán của họ vì cho rằng các cụ đã lạc hậu rồi, không thể nắm được những biến đổi mới hiện đại.

Giữa các thế hệ nối tiếp nhau có đặc điểm khác nhau vì họ đã trải qua những cảnh ngộ khác nhau, đã chứng kiến những sự kiện lịch sử xảy ra khác nhau nên *tất yếu* họ có cách suy nghĩ, nhận thức khác nhau và cách giải quyết vấn đề cũng khác nhau. Do đó mâu thuẫn xảy ra giữa các thế hệ là điều *dĩ nhiên, hợp lý, bình thường*. Lịch sử nhân loại luôn biến động, thay đổi, nếu con người không thay đổi trong cách suy nghĩ và hành động thì họ sẽ bị tiêu diệt.

#### Tài liệu tham khảo:

Sách "Các thế hệ và tuổi đời" (Generations et ages de la vie) của Claudine Atlas-Donfet, xuất bản năm 1991, Nxb. "Que sais je", Pháp♦